





**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

PHAN THÚY HẰNG

**YẾU TỐ VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG TIỂU THUYẾT
VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số chuyên ngành: 9220121**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM



HUE - 2019

Công trình được hoàn thành tại:

.....

Người hướng dẫn khoa học:

.....

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Đại học
Huế họp tại

.....

Vào hồi: giờ ngày ... tháng năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

.....

MỞ ĐẦU

Là hai loại hình nghệ thuật khu biệt tương đối trong tất cả các tiêu chí và cách thức phân loại, văn hóa dân gian và văn học viết có sự tương tác đa chiều. Tương tác giữa văn hóa dân gian và văn học viết là một tất yếu và sự thâm nhập văn hóa dân gian vào văn học viết cũng là một quy luật dĩ nhiên của tiến trình lịch sử. Quá trình tiếp biến văn hóa này diễn ra xuyên suốt và liên tục trong lịch sử văn học, nhưng phải đến sau 1986, tiếp nhận văn hóa dân gian trong văn học viết mới được đẩy lên cao thành một trào lưu, một xu hướng, một phương pháp thực sự đem lại giá trị nhiều mặt trong văn chương. Các yếu tố của văn hóa dân gian dưới ngòi bút của các nhà văn hiện đại là kết quả của sự nhận thức lại một cách sâu sắc bằng những kiến giải giàu tính thuyết phục, cấp cho nó những giá trị và hàm nghĩa mới. Quá trình tái sinh, sự quay trở về với các yếu tố dân gian không đơn thuần là lặp lại cái cũ, cái lạc hậu, khuôn mòn, cũng không phải là bước đi thụt lùi, mà qua cái cũ để tạo ra những giá trị mới, một phương thức mới trong sáng tạo văn học. Rất nhiều nhà văn hiện đại đã thành công và khẳng định tên tuổi với thử nghiệm đó như Đào Thắng, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Võ Thị Hảo, Tạ Duy Anh, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Bình Phương... Những sáng tác của các nhà văn này đều là những tác phẩm chịu ảnh hưởng văn hóa dân gian khá sâu sắc. Việc vận dụng lý thuyết văn hóa dân gian vào nghiên cứu tiểu thuyết giai đoạn này giúp chúng ta lý giải trọn vẹn hơn tác phẩm nghệ thuật với hệ thống mã văn hoá được bao hàm bên trong nó. Đồng thời cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống những dấu ấn đặc trưng cũng như phương thức tồn tại của các yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết giai đoạn 1986 đến 2000.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam trước năm 1986

1.1.1. Giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1945

Bên cạnh việc tiếp thu những ảnh hưởng từ lớn từ văn hóa phương Tây, đặc biệt là Pháp thì tiểu thuyết giai đoạn này vẫn chịu sự chi phối của văn hóa phương Đông và truyền thống văn hóa dân tộc để xây dựng nên một nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại song vẫn đậm đà bản sắc dân tộc. Nghiên cứu tiểu thuyết Tự lực văn đoàn dưới góc độ văn hóa, xã hội và phong tục có những công trình đáng ghi nhận như: *Ba mươi năm văn học* (Mộc Khuê), *Việt Nam văn học sử yếu* (Dương Quảng Hàm), *Nhà văn hiện đại* (Vũ Ngọc Phan), *Phong tục Việt Nam trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn* (Phạm Thị Minh Tuyền)... Nghiên cứu về văn hóa vùng và chất Nam Bộ giai đoạn này cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tiêu biểu: *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* (Nguyễn Q. Thắng), *Dấu ấn văn hóa Nam Bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh* (Phạm Thị Minh Hà)... Đề cập đến dấu ấn VHDG trong tiểu thuyết của các nhà văn hiện thực phê phán như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, nhiều nhà nghiên cứu cũng đã có những phát hiện đáng ghi nhận về một dòng “tiểu thuyết tả về phong tục Việt Nam” cùng với sự xung đột giàu – nghèo, thiện - ác trong *Văn học Việt Nam 1930 - 1945* (Phan Cự Đệ), *Nhà văn hiện đại* (Vũ Ngọc Phan)... Giai đoạn này còn có bộ phận văn học tồn tại dưới chính thể Việt Nam cộng hòa, đó là bộ phận văn xuôi đô thị miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Tuy yếu tố văn hóa dân gian không phải là đối tượng được các nhà văn bộ phận văn học này là trọng yếu. Tuy nhiên, đứng trước sự xâm lăng của văn hóa ngoại lai, một số nhà văn mang tư tưởng yêu nước tiến bộ như Sơn Nam, Vũ Bằng, Võ Hồng... đã có ý thức giữ gìn văn hóa dân tộc qua những trang văn của mình. Tiêu biểu là những bài viết “Những diễn biến mới trong văn học

miền Nam vùng tạm bị chiếm những năm gần đây” (Nguyễn Đức Đàn), *Sống và viết với* (Nguyễn Ngu Í), *Sơ khảo 15 năm văn xuôi miền Nam 1955 – 1969* (Cao huy Khanh), *Mười khuôn mặt văn nghệ* và *Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay* (Tạ Tỵ), *Nhìn lại một chặng đường văn học* (Trần Hữu Tá)... và gần đây nhất là Nguyễn Thị Thu Trang với *Văn xuôi đô thị miền Nam giai đoạn 1954 – 1975 nhìn từ các giá trị văn hóa truyền thống*...

1.1.2. Giai đoạn từ 1945 đến 1985

Đây là giai đoạn văn học gắn liền với mô hình văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ưu tiên cho sự vận động của quy luật đấu tranh và sự tất thắng của cách mạng. Cho nên, trong bối cảnh ấy những những biểu hiện của VHDG trong tiểu thuyết giai đoạn này có nhiều hạn chế. Tìm hiểu ảnh hưởng VHDG trong tiểu thuyết giai đoạn này dù không có những công trình tiêu biểu, song tự bản thân người sáng tác đã mang văn hóa dân tộc thấm đẫm trong từng trang viết khi họ đi thực tế đến những vùng đất mới của tổ quốc để viết. Văn học có xu hướng tìm kiếm những biểu tượng đủ sức lay động và kết nối cũng như khơi thức tâm thức văn hóa cộng đồng. Tiêu biểu: *Đoàn Giỏi và áng văn của đất, của rừng phương Nam* (Huỳnh Mẫn Chi), *Tiếng vọng những mùa qua* (Nguyễn Thị Thanh Xuân), “Một số đặc trưng văn hóa Tây Nguyên qua sáng tác của Nguyên Ngọc về Tây Nguyên” (Hoàng Sĩ Nguyên và Lê Thanh Toàn)...

1.2. Tình hình nghiên cứu yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986

1.2.1. Những nghiên cứu chung về vai trò của văn hóa dân gian đối với tiểu thuyết Việt Nam sau 1986

Bàn về vai trò của VHDG đối với tiểu thuyết giai đoạn này có khá nhiều bài viết đáng chú ý, như: “Văn hoá như là nguồn mạch sáng tạo và khám phá văn chương” (Nguyễn Văn Hạnh), “Văn hóa dân gian trong văn xuôi đương đại Việt Nam” (Vũ Thị Mỹ Hạnh), “Phương thức lựa chọn và thể hiện hiện thực lịch sử trong tiểu thuyết

Nguyễn Xuân Khánh” (Nguyễn Văn Hùng), “Lịch sử và văn hóa - phong tục trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh” (Võ Hoài Nam)...

1.2.2. Những nghiên cứu cụ thể về sự hiện diện của yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986

- **Những nghiên cứu về yếu tố kì ảo:** Gồm có những nghiên cứu nổi bật như *Văn học Yếu tố kỳ ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam*, “Sự hồi sinh của yếu tố kì ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam” của Bùi Thanh Truyền, “Thành tựu văn xuôi Việt Nam sau đổi mới từ góc nhìn tương tác thể loại” của Trần Viết Thiện, “Vai trò của cái kì ảo trong truyện và tiểu thuyết Việt Nam” của Đặng Anh Đào, “Thế giới kì ảo trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường từ cái nhìn văn hóa” của Lê Nguyên Cần...

- **Những nghiên cứu về biểu tượng:** Tiêu biểu có các bài viết “Hệ biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại” của Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Thị Mai Hương với “Đình làng - biểu tượng văn hóa đặc sắc của tiểu thuyết viết về nông thôn sau Đổi mới” và “Văn hóa nông thôn trong tiểu thuyết sau đổi mới nhìn từ biểu tượng và ngôn ngữ”, Hoàng Thị Huế có bài viết “Một số biểu tượng mang tâm thức Mẫu trong *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh”, “Biểu tượng cổ mẫu trong văn xuôi Võ Thị Hào” của Nguyễn Thị Phương Ly và Lê Thị Hường, “Đi tìm cổ mẫu trong văn chương Việt Nam” của Nguyễn Thị Thanh Xuân. Đặc biệt, trong Luận án *Những đổi mới trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 – 2000* của Trần Thị Mai Nhân, đã có những nghiên cứu đáng ghi nhận về “Kết cấu bằng hệ thống biểu tượng”.

- **Những nghiên cứu về văn hóa tâm linh:** Có thể kể đến “Văn học và văn hóa tâm linh” (Trần Đình Sử), “Một cách tiếp cận tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới” (Nguyễn Bích Thu), “Những chiều kích tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại” (Nguyễn Văn Hùng), “Vấn đề tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới” (Trần Thị Mai Nhân), “Yếu tố tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam về

đề tài nông thôn thời kì đổi mới” (Bùi Như Hải)... Ở giai đoạn này, Nguyễn Xuân Khánh nổi lên như một tác giả không chỉ bởi sự thành công về nội dung và cách thể hiện mà còn bởi bức tranh văn hóa dân gian nhiều màu sắc mà ông thể hiện trong những tiểu thuyết của mình. Vấn đề này có khá nhiều bài nghiên cứu: “Nguyên lý tính mẫu trong truyền thống văn học Việt Nam” (Dương Thị Huyền), “Yếu tố huyền thoại trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh” (Nguyễn Thị Thu Hương), “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết Mẫu Thượng ngàn” (Trần Thị An), “Mẫu Thượng ngàn - sự diễn giải về phong tục thờ mẫu của người Việt”(Nguyễn Thị Diệu Linh)...

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài

1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

VHDG hiện nay không đơn thuần là một hệ thống lí thuyết mà đã trở thành phương pháp nghiên cứu, một cách tiếp cận hiệu quả để giải mã văn hóa trong tác phẩm văn học. Đặc biệt, các nhà nghiên cứu đều khẳng định sự phát triển của văn hóa gắn liền với vận mệnh dân tộc, nhất là trong xu hướng toàn cầu hóa, thời đại của sự bùng nổ công nghệ số hóa người ta lo lắng đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc thì vấn đề giữ gìn, bảo vệ văn hóa truyền thống càng được quan tâm chú ý. Từ 1986 đến 2000, qua các công trình, chuyên luận, bài báo khoa học đã chứng minh được sự hiện diện của yếu tố VHDG trong tiểu thuyết giai đoạn này, đồng thời cho thấy giữa VHDG và tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 thực sự có mối quan hệ mật thiết. Tuy nhiên, các bài nghiên cứu chủ yếu dừng lại khai thác vấn đề ở phạm vi nội dung tư tưởng, ít chạm đến những phương diện nghệ thuật từ góc nhìn VHDG. Các vấn đề chưa được hệ thống cụ thể, chưa xâu chuỗi thành một hiện tượng trong hầu hết các tác giả tiểu thuyết ở giai đoạn này.

1.3.2. Hướng triển khai đề tài

Thứ nhất, chúng tôi tiến hành khảo sát sự xuất hiện của yếu tố VHDG trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 nhằm có một cái nhìn tổng quát về những thông điệp mang sắc thái VHDG mà các

tác giả gửi gắm vào trong tiểu thuyết. Thứ hai, chúng tôi đặt yếu tố VHDG trong lịch sử tiểu thuyết Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay để thấy được sự vận động và phát triển đa dạng của tiểu thuyết giai đoạn này. Và cũng để thấy rằng, bên cạnh nhiều yếu tố khác, VHDG là một cách tiếp cận thú vị và mang lại hiệu quả thẩm mĩ cao khi tiến hành nghiên cứu, giải mã tác phẩm. Thứ ba, từ các vấn đề của lí thuyết VHDG, luận án đi sâu tìm hiểu về mối quan hệ giữa VHDG với tiểu thuyết Việt Nam hiện đại; các tín ngưỡng, phong tục tập quán, các yếu tố tự sự dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000. Thứ tư, luận án tập trung khai thác phương thức thể hiện trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 từ góc nhìn VHDG như hệ thống biểu tượng, motif, ngôn ngữ, nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật. Đây là những phương diện góp phần tạo nên thành công của tiểu thuyết Việt Nam 15 năm cuối thế kỉ XX. Đặc biệt, chúng tôi xác định nhiệm vụ chính của luận án này là làm rõ hiệu quả nghệ thuật của các yếu tố VHDG khi thể hiện nội dung thẩm mĩ cũng như phương thức nghệ thuật và sự tác động của yếu tố VHDG đối với sự đổi mới tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986 đến 2000.

Chương 2

VĂN HÓA DÂN GIAN VÀ SỰ TÁC ĐỘNG ĐẾN TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000

2.1. Khái lược về văn hóa dân gian và mối quan hệ giữa văn hóa dân gian với tiểu thuyết Việt Nam hiện đại

2.1.1. Khái niệm văn hóa dân gian

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá về nội hàm của VHDG của các nhà nghiên cứu trên thế giới, các nhà nghiên cứu VHDG Việt Nam đã đưa ra một quan niệm thống nhất: VHDG là một bộ phận của văn hoá dân tộc, bao gồm văn học dân gian (ca dao, dân ca, truyện cổ tích...); nghệ thuật dân gian (ca múa nhạc dân gian, tranh dân gian...); phong tục, tập quán, đặc điểm lễ nghi thịnh hành trong dân

gian.... Do nội hàm của khái niệm VHDG khá rộng, để phù hợp với phạm vi nghiên cứu của đề tài chúng tôi xin được tìm hiểu những biểu hiện của các yếu tố VHDG trong tiểu thuyết từ 1986 đến 2000 ở một số phương diện sau: tín ngưỡng dân gian, thể giới nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật, motif, biểu tượng và ngôn ngữ.

2.1.2. Nhận diện các thành tố của văn hóa dân gian

Theo các nhà nghiên cứu, các thành tố của văn hóa dân gian gồm có: *Ngữ văn dân gian bao gồm*: Tự sự dân gian; trữ tình dân gian; thành ngữ, tục ngữ, câu đố dân gian.

Nghệ thuật dân gian bao gồm: Nghệ thuật tạo hình dân gian; nghệ thuật biểu diễn dân .

Tri thức dân gian bao gồm: Tri thức về môi trường tự nhiên; tri thức về con người; tri thức ứng xử xã hội; tri thức sản xuất.

Tín ngưỡng, phong tục và lễ hội: Các lĩnh vực nghiên cứu trên của văn hóa dân gian nảy sinh, tồn tại và phát triển với tư cách là một chỉnh thể nguyên hợp, thể hiện tính chưa chia tách giữa các bộ phận (ngữ văn, nghệ thuật, tri thức, tín ngưỡng phong tục...), giữa hoạt động sáng tạo và hưởng thụ trong sinh hoạt văn hóa, giữa sáng tạo văn hóa nghệ thuật và đời sống lao động của nhân dân.

2.1.3. Mối quan hệ giữa văn hóa dân gian với tiểu thuyết Việt Nam hiện đại

Cần phải khẳng định rằng, giữa VHDG và văn học có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Những năm đầu thế kỉ XX, sự tiếp nhận yếu tố VHDG vẫn diễn ra trong sáng tác của nhiều nhà văn trong giai đoạn này như Hồ Biểu Chánh, các nhà văn Tự lực văn đoàn, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... Giai đoạn từ 1945 đến 1975, VHDG trong văn học không hiện diện nhiều như trước. Tuy nhiên, nó không mất hẳn mạch chảy mà vẫn hiện diện ở một số tác phẩm như *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi, *Đất nước đứng lên*, *Rừng xà nu*, *Tháng Năm Nong*, *Kỉ niệm Tây Nguyên...* của Nguyên Ngọc, *Miền Tây* của Tô Hoài... Năm 1975 đất nước hoàn toàn giải phóng, lịch sử dân tộc bước sang kỉ nguyên mới độc lập, tự do.

Để phù hợp với hoàn cảnh mới, nhu cầu đổi mới mọi mặt của đời xã hội đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết. Bên cạnh phản ánh những vấn đề mang tính thời cuộc, văn học giai đoạn này cũng đã không ngừng khai thác những giá trị văn hóa dân tộc trong sáng tác của mình. Các nhà văn tiêu biểu góp mặt trong xu hướng này phải kể đến Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Ngọc Tư, Tạ Duy Anh, Võ Thị Hào, Nguyễn Bình Phương... Giai đoạn văn học từ 1975 đến nay, đặc biệt sau 1986, yếu tố VHDG xuất hiện trở lại trong văn học mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Yếu tố VHDG trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 gắn liền với việc thể hiện các tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội đậm đà bản sắc dân tộc như tín ngưỡng thờ mẫu, tín ngưỡng đa thần và thờ cúng vật linh, tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cúng ông bà tổ tiên và những người đã mất, tục thờ cúng, sùng bái tự nhiên, đến những tri thức dân gian về ứng xử cá nhân và ứng xử cộng đồng, về môi trường tự nhiên và con người cùng với nghệ thuật biểu diễn dân gian. Về phương thức thể hiện, yếu tố VHDG hiện diện rõ nét trong việc khai thác các yếu tố kì ảo, huyền thoại hóa, sử dụng nhiều truyền thuyết, ca dao, tục ngữ đã tạo nên sức lôi cuốn và vẻ đẹp riêng cho tác phẩm. Cùng với đó là việc xây dựng một hệ thống các motif mang màu sắc VHDG như motif giấc mơ, motif cái chết - ma hiện hồn, motif báo ứng... Trong các tác phẩm xuất hiện nhiều biểu tượng gắn liền với văn hóa cộng đồng từ xa xưa như nước, lửa, đêm, đá, đình làng, cây đa, chớ đá, rắn thần... Tất cả đã khắc họa nên một thế giới nghệ thuật mang đậm sắc thái VHDG trong tiểu thuyết của các nhà văn giai đoạn này như Nguyễn Khắc Trường, Lê Lưu, Bảo Ninh, Đào Thắng, Võ Thị Hào, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Bình Phương...

2.2. Tác động của văn hóa dân gian đến tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000

2.2.1. Văn hóa dân gian với sự thay đổi về tư duy nghệ thuật

Với tư cách là “văn hóa gốc”, “văn hóa mẹ”, VHDG góp phần đặt nền móng, hình thành nên các phương pháp, phương tiện nguyên thủy của việc chiếm lĩnh hiện thực bằng hình tượng, đồng thời, đóng vai trò

quan trọng trong việc tạo nên tâm thức cộng đồng dân tộc: gần gũi và có xu hướng thiên về những cái kì lạ, khác thường, biểu hiện thế giới quan thần linh, tư duy huyền thoại trong quan điểm của người sáng tác văn học mọi thời đại. Đặc biệt, yếu tố kỳ ảo được đưa vào trong tiểu thuyết giai đoạn này khá dày đặc, trở thành một “dòng” riêng với những tên tuổi như như Phạm Thị Hoài, Nguyễn Khắc Trường, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Đào Thắng, Nguyễn Bình Phương... Qua việc sử dụng các yếu tố của VHDG trong sáng tạo, các nhà văn bộc lộ quan niệm về một thế giới đa chiều, đa đoạn, đa sự. Thế giới đó tồn tại song song những yếu tố khả giải - bất khả giải, duy lý - phi lý, tất nhiên - ngẫu nhiên, hoang đường - chân thực, siêu nhiên - trần thế. Cùng với đó, các yếu tố dân gian còn giải phóng cho nhà văn khỏi cái khung lý tính nhiều khi máy móc, nông nổi, đưa lại những cảm nhận bên ngoài và tâm hồn sâu kín bên trong một cách tinh tế, gợi mở.

2.2.2. Văn hóa dân gian với sự cách tân về nghệ thuật thể hiện

Về mặt ngôn ngữ, nếu như ngôn ngữ đời thoại trong tiểu thuyết giai đoạn 1945 - 1975 thường mang đậm tính văn chương thì trong tiểu thuyết sau 1986, ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ thông tục tràn vào, không màu mè, làm dáng mà đậm tính đời thường. Cùng với đó, ngôn ngữ dân gian (ca dao, dân ca, thành ngữ, tục ngữ...) cũng không chịu hóa thạch trong các kho tàng mà tìm cách nảy mầm xuyên thời gian và trở thành một nguồn chất liệu vô tận cho quá trình dụng ngôn của các nhà văn khi phản ánh hiện thực xã hội. Bên cạnh đó, việc *sử dụng các motif truyền thuyết dân gian* như motif cái chết - ma hiện hồn, motif hóa thân, motif báo ứng một cách sáng tạo vào trong tác phẩm đã mang lại cho nó những hàm nghĩa mới dưới cái nhìn của con người hiện đại. *Sự mở rộng biên độ không gian, thời gian nghệ thuật* cũng là một nỗ lực đổi mới đáng ghi nhận. Trường nhìn, chiều kích của tiểu thuyết được nối dài bởi sự tham gia của các yếu tố kì ảo siêu thực. Bên cạnh kiểu không gian hiện thực đời thường, thời gian niên biểu, thời gian vật lí thì còn có sự góp mặt của kiểu không kì ảo, siêu thực, hoang

đường, thời gian được đa phương hóa trong cách thể hiện như đảo tuyến, song tuyến, đan cài, đồng hiện các tuyến thời gian...Việc xây dựng một **hệ thống biểu tượng, cổ mẫu** trong tiểu thuyết sau 1986 đã mở ra khả năng vô tận trong việc khám phá, nhận thức thế giới xung quanh và con người. Nó tồn tại như là hiện thân của ký ức tập thể, của lịch sử văn hóa cộng đồng.

2.3. Các tín ngưỡng dân gian – nguồn nuôi dưỡng cảm hứng sáng tạo của nhà văn

2.3.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất

Tín ngưỡng này không chỉ chứa đựng những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện quan niệm của người Việt về thế giới, về nhân sinh, ảnh hưởng tích cực tới đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Không chỉ đề cập đến những mặt tích cực, tiểu thuyết giai đoạn này cũng phản ánh những mặt trái của của tín ngưỡng dân gian này khi đi vào đời sống của những con người hiện đại. Những điều này được đề cập khá rõ trong các tiểu thuyết như: *Bến không chồng*, *Mùa lá rụng trong vườn*, *Hồ Quý Ly*, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Mẫu Thượng ngàn*, *Dòng sông mía*....

2.3.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 xuất hiện tục thờ động vật trong khá nhiều tác phẩm như thờ Hổ (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), thờ Đá (*Hồ Quý Ly*), thờ Cá thần (*Dòng sông mía*)...Mỗi tác phẩm dung chứa tín ngưỡng thờ động vật gắn với những con vật và mỗi câu chuyện khác nhau, song đều có điểm chung chính là niềm tin về sự bảo trợ của các vị thần ấy đối với đời sống tâm linh của cá nhân và cộng đồng. Bên cạnh tín ngưỡng thờ động vật là tín ngưỡng thờ thực vật. Thờ cây là tín ngưỡng có tính tới cổ phổ biến khắp nơi. Nó là biểu hiện sự gắn bó mật thiết giữa con người với sinh thái tự nhiên.

2.3.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu là hình thức tín ngưỡng dân gian khá tiêu biểu, mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam, một hiện tượng văn hóa tín tâm

linh độc đáo trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đa thần của người Việt. Trong tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới, nhân vật nữ đều mang trong mình những phẩm chất cao đẹp mang tính truyền thống. Về đẹp ở họ toát lên trong những hoàn cảnh bình thường đến éo le của cuộc sống.

Chương 3

YẾU TỐ VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000 - NHÌN TỪ THẾ GIỚI NHÂN VẬT, KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

3.1. Yếu tố văn hóa dân gian nhìn từ thế giới nhân vật

3.1.1. Nhân vật trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, dòng tộc

Trong tiểu thuyết Việt nam sau 1986, các nhà văn thường chú ý khai thác những vấn đề mang tính lịch sử, cổ hữu trong tiềm thức người nông dân tư tưởng về dòng họ, về gia tộc. Người ta sẵn sàng hi sinh, đè nén những khát vọng cá nhân để sống theo chuẩn mực của gia đình, dòng tộc. Họ làm mọi điều có thể, thậm chí cả những điều không thể để tôn vinh gia đình, dòng họ mình. Chính tâm thức cộng đồng ấy tác động đến con người ở cả góc độ tích cực lẫn tiêu cực. *Mảnh đất lắm người nhiều ma, Bến không chồng, Thời xa vắng, Lời nguyện hai trăm năm...* là những tiểu thuyết mang tinh thần như thế.

3.1.2. Nhân vật tâm linh

Soi chiếu vào tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, kiểu nhân vật tâm linh tiêu biểu nhất giai đoạn này chính là *những người lính thời hậu chiến*. Đó là Sáu Nguyễn trong *Ba lần và một lần*, Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh*, Hai Hùng trong *Ấn mào dĩ vãng*, Linh trong *Vòng tròn bội bạc...* Cuộc sống sau chiến tranh của họ là những chuyến đi về giữa hiện tại và quá khứ, giữa thực và mơ. Họ không thể sống một cuộc đời bình thường bởi sự ám ảnh của bóng ma quá khứ, thế giới tâm linh hầu như thường trực ngự trị trong đời sống của những con người không tìm thấy bản thể của mình trong hiện tại. Trong tiểu thuyết thời kì này, khi đề cập đến kiểu

nhân vật tâm linh có một dạng *nhân vật* là *cầu nối* hai cõi âm - dương và có những năng lực đặc biệt mà người bình thường không có. Dạng nhân vật này thường xuất hiện trong tiểu thuyết viết về nông thôn như cô Thống Biệu (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), Bà Cả Mọi (*Lời nguyện hai trăm năm*)... Dạng nhân vật thứ ba là *những con người có những khả năng đặc biệt* mà khoa học khó lí giải, có sự thông linh giữa người sống và người chết, giữa cõi âm và cõi dương. Họ có thể tiên đoán hoặc linh cảm về một điều gì đó sắp xảy ra trong tương lai, như Thắng trong *Tàn đèn đóm đỏ*, Phương trong *Nỗi buồn chiến tranh*, Viên trong *Ấn mây dĩ vãng*... Xây dựng kiểu kiểu nhân vật mang đời sống tâm linh, các nhà văn không chỉ khắc họa con người ở tính cách, ở bề mặt ý thức mà còn khám phá họ ở bề sâu tâm linh vi diệu biến ảo của những vô thức, tiềm thức.

3.2. Yếu tố văn hóa dân gian nhìn từ không gian nghệ thuật

3.2.1. Không gian hiện thực gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng

Trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, kiểu không gian gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường được chú trọng trong những tiểu thuyết viết về nông thôn như *Thời xa vắng*, *Chuyện làng cuội*, *Lời nguyện hai trăm năm*, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Đồng làng đom đóm*, *Ma làng*... Đó là không làng Biển Cát với vô vàn lời nguyện huyền bí trong *Lời nguyện hai trăm năm*; là không gian làng Đông đẹp như một bức tranh thủy mặc, với những nét văn hóa điển hình của vùng quê Bắc bộ trong *Bến không chồng*; là xóm Giếng Chùa (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*) với không gian địa lí mơ hồ khó xác định, gắn liền với sinh hoạt làng quê và mối thù truyền kiếp giữa hai dòng họ Vũ Đình và Trịnh Bá. Đặc biệt, trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương, không gian làng Phan là hình ảnh trở đi trở lại với núi Rừng, núi Hột, dòng sông Linh Nham, bãi Nghiền Sàng... Làng Phan có lúc trữ tình, thơ mộng, có lúc lại bí ẩn với những ai oán, những ám ảnh tội lỗi khiến không khí nơi đây trở nên u uất, tối nhiều hơn sáng. Tất cả khiến làng Phan thành mảnh đất ngái ngủ của trần gian, tựa như không gian huyền thoại xa xăm.

3.2.2. Không gian huyền ảo, siêu thực

Không gian huyền ảo, siêu thực trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 là *không gian tâm linh được thể hiện qua các giấc mơ*. Không gian giấc mơ xuất hiện từ những ám ảnh tâm lý của nhân vật khi đối diện với cuộc sống hiện thực, những chấn động tâm lý không được thỏa mãn ở cuộc sống thực sẽ đi vào giấc mơ của nhân vật. Những giấc mơ của Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh* chính là nơi cho tâm hồn Kiên trú ngụ và chạy trốn thực tại. Không gian huyền ảo - siêu thực trong *Những đứa trẻ chết già* được tạo nên bởi những giấc mơ kì dị. Xây dựng kiểu không gian giấc mơ, không gian của cõi vô thức, nhà văn hướng đến không gian tâm trạng. Vì thế không gian trong giấc mơ được coi như một sự phản chiếu không gian hiện thực nhưng vì là mơ nên mang tính chất tự do, phá vỡ mọi quy phạm logic của cuộc sống thực. Bên cạnh đó, không gian huyền ảo - siêu thực còn gắn với *những nơi mang ý nghĩa tâm linh trong đời sống cộng đồng* như đình chùa, miếu, đền, mộ, nơi thờ thần phật, ma quỷ... Loại không gian này tồn tại song song với không gian trần thế, vừa thực vừa ảo. Đó là không gian mộ địa gắn liền với bóng đêm trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, là không gian gọi nhớ về cái chết và sự hủy diệt Truong gọi Hồn, đeo Thăng Thiên trong *Nỗi buồn chiến tranh*. Ngoài không gian nghĩa địa, huyết mộ, không gian tâm linh như đình, chùa, miếu mạo xuất hiện xuất hiện khá nhiều trong các tiểu thuyết của Nguyễn Khắc Trường, Dương Hương, Trịnh Thanh Phong, Khôi Vũ... Những không gian này, từ xa xưa đã gắn với văn hóa cộng đồng người Việt, thể hiện niềm tin tín ngưỡng dân gian của người dân về một thế giới có thể che chở, phù hộ cho con người.

3.3. Yếu tố văn hóa dân gian nhìn từ thời gian nghệ thuật

3.3.1. Thời gian phiếm định và sự huyền thoại hóa thời gian hiện thực

Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 sử dụng rất nhiều kiểu thời gian phiếm định. Thời gian phiếm định là kiểu thời gian không xác định rõ ràng, mặc dù nó có tên gọi cụ thể song người đọc có thể hiểu đó là quá khứ, hiện tại hoặc tương lai. Cho nên muốn hiểu được buộc lòng

chúng ta phải bám sát những sự việc, sự kiện đi kèm với các mốc thời gia ấy. *Thời xa vắng*, *Lời nguyện hai trăm năm*, *Những đứa trẻ chết già* là những tiểu thuyết đậm đặc kiểu thời gian này. Thời gian phiếm định của huyền thoại còn được tạo lập bởi những cách gọi thời gian vô cùng mơ hồ, mang tính chất thời gian cổ tích, luôn luôn là thời gian quá khứ phiếm định “ngày xưa ngày xưa” như: “*Mùa khô đầu tiên*”, “*Hồi đó*”...(*Nỗi buồn chiến tranh*); “*Cách đây ba năm*”, “*Một đêm trăng*” (*Những đứa trẻ chết già*); “*Từ đời xưa*” (*Bến không chồng*); “*Ngày xưa đó*” (*Lời nguyện hai trăm năm*)... *Thời gian đêm* là một kiểu thời gian phiếm định tiêu biểu. *Đêm* trong tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *đêm* trong tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh vừa là không gian vừa là thời gian. Với việc sử dụng thời gian phiếm định và huyền thoại hóa thời gian hiện thực đã tạo nên cho tác phẩm nhiều sự việc, hiện tượng li kì, hấp dẫn gắn với trục tạo độ thời gian về một thời xa xưa, đầy màu sắc huyền thoại.

3.3.2. Thời gian kì ảo

Trước hết, thời gian kì ảo thể hiện rõ trong tác phẩm khi nhân vật *hồi tưởng về quá khứ hoặc những dự cảm về tương lai*. Có thể nói, *Nỗi buồn chiến tranh* là cuốn tiểu thuyết tiêu biểu thể hiện dạng thời gian này. Cuộc sống thời hậu chiến của nhân vật Kiên là một chuỗi hồi tưởng về quá khứ. Thời gian kì ảo trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường gắn với những hồi tưởng về quá khứ của ông Phúc với môi tình không thành với bà Son được miêu tả như truyện cổ tích. Nhờ *hồi tưởng*, các sự kiện ở quá khứ đã làm cho hiện tại được nhận thức dưới một ánh sáng mới. Cho nên những tâm sự của nhân vật sẽ được giải thích từ nhiều toạ độ thời gian khác nhau, tính cách nhân vật sẽ được bộc lộ một cách rõ nét và có chiều sâu hơn. Thời gian kì ảo trong tiểu thuyết giai đoạn này còn được thể hiện ở *sự đan cài các tuyến thời gian* theo dòng tâm trạng của nhân vật. Kiểu thời gian này thường xuất hiện trong những tiểu thuyết viết theo kĩ thuật “dòng ý thức” của nhân vật như *Nỗi buồn chiến tranh*, *Hồ Quý Ly*, *Cơ*

hội của chúa... Qua dòng kí ức của nhân vật, các sự việc, các mốc thời gian hiện lên rõ ràng, thể hiện thế giới tâm hồn nhân vật một cách rõ nét nhất. Ngoài ra, thời gian kì ảo còn được biểu hiện ở dạng *thời gian đồng hiện*. Nó cũng là một hình thức của việc xen kẽ các tuyến thời gian. Song ở dạng thời gian này, quá khứ, hiện tại được tách bạch rõ ràng, không rối rắm như kiểu đan cài các tuyến thời gian. Trong nhiều tác phẩm của Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái như *Lão Khổ*, *Đi tìm nhân vật*, *Cõi người rung chuông tận thế*....đồng hiện thời gian được sử dụng như một thủ pháp nghệ thuật hữu hiệu, diễn tả sâu sắc những biến động trong thế giới nội tâm của nhân vật. Phần lớn các tác phẩm viết theo lối thời gian đồng hiện thường bắt đầu bằng thì hiện tại.

Chương 4

YẾU TỐ VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000 - NHÌN TỪ NGÔN NGỮ MOTIF VÀ BIỂU TƯỢNG

4.1. Vận dụng các motif truyện cổ dân gian

4.1.1. Motif cái chết - ma hiện hồn

Trong nhiều tiểu thuyết Việt Nam sau Đổi mới đã sử dụng motif này như một phương thức nghệ thuật hiệu quả trong việc thể hiện những biến động dữ dội trong thế giới nội tâm của nhân vật. Với sự xuất hiện của yếu tố kì ảo, *motif cái chết - ma hiện hồn* đồng thời đã tạo nên một bức tranh hiện thực đậm màu sắc huyền thoại nhưng không kém phần khốc liệt. Tiểu thuyết viết về chiến tranh thời kì này thực sự gây ám ảnh sâu sắc cho người đọc khi viết về cái chết và những hồn ma. Khiến nó trở thành một motif đầy ám ảnh, ghê sợ và kì lạ. Cuộc đời hậu chiến của các nhân vật trong tác phẩm gắn với những hồi ức ám ảnh triền miên, dai dẳng về cái chết của đồng đội và cả những người bên kia chiến tuyến. Việc sử dụng *motif cái chết - ma hiện hồn* góp phần làm rõ những ẩn ức, những trăn trở, day dứt trong nội tâm người lính. Sự xuất hiện của những oan hồn hay những bóng ma cũng xuất phát từ những ám ảnh

không nguôi về sự hủy diệt của chiến tranh và sự bấn loạn trong tâm hồn người lính thời hậu chiến. Phần đời sống tâm linh của con người bao giờ cũng có ý nghĩa nhân văn, vừa để ghi nhận vừa lí giải chính những ẩn ức trong thế giới tâm hồn bị tổn thương của nhân vật (*Kiên - Nỗi buồn chiến tranh*, Quy - *Chim én bay*... Đặc biệt trong những tiểu thuyết viết về nông thôn (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Lão Khổ*...), motif này được nhìn nhận dưới một khía cạnh hoàn toàn khác. Những cái chết đầy ám ảnh khiến cùng với những hồn ma thật, giả đã làm dậy sóng không gian làng quê vốn dĩ không yên bình. Khiến cho bức tranh hiện thực dung chứa đầy sự đen tối thêm phần liêu trai, huyền thoại.

4.1.2. Motif báo ứng

Di chuyển vào địa hạt văn học đương đại, motif này được tân trang một gương mặt mới với những ý nghĩa sâu sắc và đa chiều. *Motif báo ứng* được sử dụng trong tác phẩm như một sự phúng dụ về thân phận con người. Nó vừa biểu hiện cho những cảm xúc khó diễn tả, hỗn độn chất chứa vừa là sự bất an khắc khoải trước cuộc sống mong manh, cùng nỗi lo về tội lỗi, đổ vỡ, cái chết. Nó hành hạ, vắt kiệt sức lực con người trong nỗi sợ trước sự ẩn náu của cái Ác, đồng thời mở ra một hành trình bất tận cho con người tìm đến một bến đỗ bình an để nhận thức về bản thân và cuộc sống. Triết lý dân gian đã được chiêm nghiệm một cách rõ ràng, cái ác là hành vi trái lẽ cho nên hiện tại và tương lai sẽ chuốc lấy khổ đau, báo oán. Những tiểu thuyết như *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Lão Khổ*, *Chim én bay*, *Cõi người rung chuông tận thế*... là những minh chứng tiêu biểu cho quy luật này. *Motif báo ứng* xuất hiện như một cảnh báo nguy cơ hủy diệt của ý thức, của tình người dưới áp lực sinh tồn của đời sống.

4.2. Biểu tượng

4.2.1. Biểu tượng Đất

Đất là một biểu tượng cổ mẫu. Đi vào văn học hiện đại, biểu tượng Đất được các nhà văn đem đến những góc nhìn mới hơn cùng nhiều biến thể của nó như: núi non, hang, vực, gò, ruộng đồng, rừng,

vườn... Trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, biểu tượng Đất mang nhiều ý nghĩa khác nhau: Ý nghĩa nguyên sơ của nó là *biểu tượng của vẻ đẹp phồn sinh trong đời sống vũ trụ và nhân sinh, sinh sôi, nảy nở “tái tạo mùa sau” và nuôi sống con người (Thủy hỏa đạo tặc, Bến không chồng)*; Đất còn là biểu tượng mang ý nghĩa của sự hủy diệt (*Nỗi buồn chiến tranh, Bả giời, Người đi vắng, Vào cõi*); Đất còn là biểu tượng mang ý nghĩa về sự chở che và giải thoát (*Vào cõi, Người đi vắng, Mảnh đất lắm người nhiều ma, Đêm thánh nhân*)... Như vậy có thể thấy, Đất là một biểu tượng cổ mẫu có một đời sống lâu dài không chỉ trong đời sống, tín ngưỡng, tôn giáo mà cả trong văn học nghệ thuật từ sơ khai cho đến hiện đại.

4.2.2. Biểu tượng Nước

Trong tiểu thuyết từ 1986 đến 2000, biểu tượng Nước biến hình, tồn tại dưới nhiều dạng thức khác nhau như sông, suối, ao, đầm, mưa, sương... Và mang nhiều hàm ý nghệ thuật khác nhau về con người và cuộc sống. Trước hết, biểu tượng *Nước mang ý nghĩa gội rửa, thanh lọc và xoa dịu nỗi đau của con người (Người đi vắng, Đêm thánh nhân, Lời nguyện hai trăm năm, Thiên sứ, Bến không chồng)* Cùng với cảm quan mang ý nghĩa tích cực ấy, *Nước còn là biểu tượng của sự tái sinh, là nguồn sống dồi dào (Đêm thánh nhân, Lời nguyện hai trăm năm, Bến không chồng)*. Bên cạnh đó, biểu tượng Nước còn mang ý nghĩa hủy diệt, tàn phá (*Nỗi buồn chiến tranh, Lời nguyện hai trăm năm, Những đứa trẻ chết già*)...

4.2.3. Biểu tượng Vật

Trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, biểu tượng về Vật xuất hiện thường gắn liền với yếu tố kì ảo mang màu sắc huyền thoại. Trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương, chúng tôi ghi nhận có sự xuất hiện của những cổ mẫu, biểu tượng về những linh vật này. Tứ Linh là những con vật mang mang ý nghĩa rất linh thiêng, mang đến điềm lành, được người đời thờ phụng. Tuy nhiên, xuất hiện trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương như *Người đi vắng, Những đứa trẻ chết già, Vào cõi... Long (rồng), Quy (rùa), Phụng, Rắn mang ý nghĩa ngược lại, có khi là sự phủ*

nhận, đáng chú ý là việc giải thiêng các biểu tượng linh thiêng đã tạo ra một cách nhìn mới mẻ về các giá trị của các linh vật này trong tiểu thuyết hiện đại. Trong tiểu thuyết *Lời nguyện hai trắng năm*, Ó lửa của Hai Thìn gọi liên tưởng về “thuyết vật linh” trong huyền thoại cổ. Trong tác phẩm, nó là biểu tượng cho đời sống tinh thần, thế giới tâm linh của đời sống con người. Xây dựng hình tượng chim Ó lửa, nhà văn muốn gửi gắm thông điệp về cái Thiện của con người trên hành trình đi tìm cái đẹp của cuộc sống. Hồ (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*) gắn liền với giai thoại li kì của dòng họ Trịnh Bá. Câu chuyện gọi liên tưởng đến “thuyết vật tổ” trong các huyền thoại xưa. Biểu tượng này tạo không khí thiêng liêng cho xóm Giếng Chùa và lí giải nguồn gốc sức mạnh của chi họ Trịnh Bá trong quá khứ và hiện tại.

4.1. Yếu tố văn hóa dân gian nhìn từ ngôn ngữ

4.1.1. Sử dụng nhuần nhị thành ngữ, tục ngữ

Một trong những yếu tố làm gia tăng chất dân gian trong ngôn ngữ tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 là sự hiện diện thành ngữ, tục ngữ. Qua những tiểu thuyết được khảo sát, đặc biệt là tiểu thuyết viết về nông thôn được khảo sát, chúng tôi thấy tần số xuất hiện rất lớn của thành ngữ, tục ngữ. Tiêu biểu phải kể đến các tiểu thuyết như: *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Ma làng*... Việc sử dụng rộng rãi, sáng tạo tục ngữ, thành ngữ đã phản ánh sâu sắc, khách quan, chân thực hơn mọi hiện tượng của xã hội, đời sống, tâm hồn con người, làm cho tác phẩm tăng thêm sức sống, đậm đà màu sắc quê hương, gần gũi với tâm hồn dân tộc. Qua thành ngữ, tục ngữ các nhà văn thể hiện tư duy về lối sống, cách ứng xử, nhìn nhận sự vật khách quan, con người trong mối quan hệ sâu sắc với nền văn hóa cộng đồng.

4.1.2. Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, đan xen văn xuôi lẫn văn vần

Bên cạnh thứ ngôn ngữ thô ráp, dung nạp nhiều yếu tố tục, ngôn ngữ đời thường trong tiểu thuyết gia đoạn này còn là thứ ngôn ngữ “giản dị như đất” (Nguyễn Huy Thiệp) mang đậm sắc thái ngôn ngữ dân gian, bình dị, mộc mạc song không kém phần sâu sắc của sự suy nghiệm. Trong các tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn như *Bến*

không chồng, Thời xa vắng, Lời nguyện hai trăm năm, Cuốn gia phả để lại, Mảnh đất lắm người nhiều ma... các nhà văn đã vận dụng sáng tạo ngôn ngữ bình dị của đời sống nông thôn, ngôn ngữ vùng miền vào các tác phẩm, tạo nên một sắc thái riêng biệt.

Ngôn ngữ mang màu sắc dân gian còn được thể hiện bằng việc *xen kẽ văn xuôi lẫn văn vần*. Chúng góp phần làm tăng giá trị thẩm mỹ, nhạc tính cho lời kể, bộ lộ tâm trạng, khắc họa tính cách nhân vật. Trong nhiều tác phẩm các bài đồng dao, ca dao ngân lên, vang xa như những tiếng lòng dâng trào cảm xúc. Ngoài đồng dao, ca dao và lời ru, hình thức ngôn ngữ trần thuật xen kẽ văn xuôi lẫn văn vần còn có sự xuất hiện của *những vần thơ do* các nhà văn sáng tạo và đưa vào tác phẩm của mình. Đó có khi xuất hiện trong một câu hát, có khi là câu thơ sáng tác hoàn toàn mới đặt trong lời nói, tâm trạng của nhân vật (*Lời nguyện hai trăm năm, Người đi vắng, Những đứa trẻ chết già...*).

KẾT LUẬN

Giải mã tác phẩm văn học từ góc nhìn văn hóa là hướng nghiên cứu mở, cần thiết, bởi qua các giai đoạn, văn học luôn khúc xạ văn hóa dân tộc. Một trong những hiện tượng nổi bật của nghệ thuật tiểu thuyết Việt Nam cuối thế kỉ XX là sự hiện diện phổ biến các yếu tố văn hóa dân gian trong tác phẩm. Các nhà văn sử dụng chúng nhằm kiến tạo một hiện thực nghệ thuật mới để biểu đạt những suy tư của họ về xã hội đương đại. Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 là một thành tựu tiêu biểu về sáng tác của văn học đương đại và đây là lí do vì sao nó trở thành đối tượng được nghiên cứu nhiều nhất trong những năm trở lại đây từ các góc độ khác nhau, trong đó có văn hóa dân gian. Đặc biệt, do đặc trưng thể loại và xu hướng tiếp nhận tự sự hậu hiện đại sau 1986 nên văn hóa dân gian trở thành một trong những đối tượng tiếp nhận của tiểu thuyết để giải quyết nhu cầu gia tăng sự dung hợp và làm mới thể loại. Vì vậy, văn hóa dân gian sẽ góp phần tạo dấu ấn liên văn bản và tính đối thoại của tiểu thuyết giai đoạn này.

Trong khuôn khổ luận án, chúng tôi đã tập trung làm rõ một số vấn đề quan trọng sau:

1. Yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 đã kế thừa, phát triển, đổi mới những yếu tố văn hóa dân gian đã tồn tại trong đời sống cũng như trong lịch sử văn học dân tộc. Nó góp phần đổi mới tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 trên nhiều phương diện: Mở rộng quan niệm về hiện thực và con người, thay đổi về tư duy nghệ thuật và cách tân trong phương thức thể hiện. Tất cả những thay đổi ấy, như một tất yếu đòi hỏi phải có cách tiếp cận, phương thức sáng tạo và nghệ thuật thể hiện mới. “Chúng ta chấp nhận cả lãng mạn, tượng trưng, huyền thoại, viễn tưởng, miễn là ở một trường hợp cụ thể nào đấy, các phương pháp đó có thể nói lên một cách tốt nhất chân lí cuộc sống” [Error! Reference source not found., tr.71-72]. Đặc biệt, sự hiện diện của yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết giai đoạn này vô cùng đậm nét khi các nhà khắc họa thành công những tín ngưỡng dân gian vốn dĩ đã ăn sâu trong đời sống tinh thần của nhân dân từ ngàn xưa. Đó là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu - một tín ngưỡng bản địa rất Việt Nam. Đây thực sự là một cuộc trở về nguồn đầy ý nghĩa khi sự xô bồ của cuộc sống hiện đại đang có nguy cơ làm lu mờ các giá trị văn hóa truyền thống.

2. Bên cạnh đó, sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người, tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986 đến 2000 xây dựng đa dạng các kiểu nhân vật, phản ánh một cách chân thực và sinh động sự phức tạp của hiện thực đời sống. Từ đó hình thành nên nhiều kiểu nhân vật khác nhau như: Kiểu nhân vật bị ràng buộc trong mối quan hệ với cộng đồng, dòng tộc; kiểu nhân vật sống giữa lẫn ranh ảo - thực. Cùng với thể giới nhân vật ấy là sự tồn tại của hai phạm trù không gian, thời gian nghệ thuật. Bên cạnh không gian, thời gian hiện thực là sự tồn tại của kiểu không gian, thời gian kì ảo siêu thực. Không gian hiện thực đời thường gắn liền với những sinh hoạt văn hóa cộng

đồng của người dân. Kiểu không gian này xuất hiện nhiều trong các tiểu thuyết viết về nông thôn. Không gian huyền ảo - siêu thực được mở rộng trên bình diện tâm hồn của con người. Không gian huyền ảo - siêu thực là không gian lồng ghép giữa cõi thực - ảo tạo nên một màn sương hão huyền trùm phủ lên mọi sự kiện trần thuật. Đây là kiểu không gian phi thực hay hoang đường. Nó có thể đẹp, mơ hồ, kì bí thậm chí là kì quái nữa. Kiểu không gian này được thể hiện qua các giấc mơ và những nơi mang ý nghĩa tâm linh trong đời sống cộng đồng như đình chùa, miếu mạo... Cùng với không gian nghệ thuật là thời gian nghệ thuật. Tương ứng với không gian hiện thực gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng và không gian huyền ảo - siêu thực là thời gian hiện thực và thời gian kì ảo. Điều đặc biệt, thời gian hiện thực ở đây mang tính phiếm định và sự huyền thoại hóa thời gian hiện thực đã làm nền lý tưởng cho những chi tiết kỳ lạ, hoang đường nảy sinh và có mặt trong hầu hết các tác phẩm. Bên cạnh đó, thời gian kì ảo cũng xuất hiện trong tiểu thuyết giai đoạn này. Thời gian huyền ảo là thời gian của quá khứ, hiện tại, tương lai được hoà quyện, trộn lẫn. Và theo đó thì việc hư hoá, ảo hoá thời gian thực sẽ có vai trò nói rộng biên độ thời gian trần thuật. Có thể nói, hình tượng không gian, thời gian mang cảm quan văn hóa cùng thế giới nhân vật với đời sống tín ngưỡng dân gian phong phú đã góp phần thay đổi diện mạo tiểu thuyết Việt Nam sau 1986.

3. Yếu tố văn hóa dân gian còn thể hiện rõ nét trong phương thức thể hiện. Việc vận dụng các motif truyện cổ dân gian như: motif cái chết - ma hiện hồn, motif báo ứng đã giúp chuyển tải được nhiều vấn đề và làm mới phương thức trần thuật, góp phần làm mới diện mạo mới cho văn học. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các biểu tượng cổ mẫu như Đất, Nước, Vật đã đem đến màu sắc huyền thoại cho tiểu thuyết giai đoạn này. Biểu tượng kết tinh cho những gì lắng đọng nhất trong tâm thức của con người qua hàng ngàn năm để trở thành vô thức tập thể. Đất và Nước là những biểu tượng của vẻ đẹp phồn sinh trong đời

sống vũ trụ và nhân sinh; biểu tượng của sự chở che và giải thoát; đồng thời chúng cũng là biểu tượng của sự hủy diệt. Còn Vật là biểu tượng mang tính thuần Việt. Trong văn hóa Việt Nam và nhiều nước phương Đông, tín ngưỡng thờ Vật đã có từ lâu đời. Đặc biệt là bốn linh vật gồm: Long, Lân, Quy, Phụng. Tứ Linh là những con vật mang mang ý nghĩa rất linh thiêng, mang đến điềm lành, được người đời thờ phụng. Tuy nhiên, trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986, ý nghĩa của những biểu tượng Vật này ít nhiều bị giải thiêng. Bên cạnh ý nghĩa tốt đẹp như vốn có thì những linh vật này cũng mang nhiều ý nghĩa tiêu cực như mang đến sự sợ hãi cho con người hay bị so sánh với những con vật tầm thường như lợn hoặc bị đưa ra làm hình ảnh so sánh đầy nhục cảm (tiêu biểu trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương). Và cuối cùng, góp phần vào bức tranh đậm màu sắc văn hóa dân gian của tiểu thuyết giai đoạn này không thể không nhắc đến vai trò kiến tạo của nghệ thuật ngôn từ. Ngôn ngữ tiểu thuyết đương đại được khai thác theo nhiều chiều kích mới: các nhà văn không ngần ngại đưa vào sự “lạ hóa”, “biến dạng”, “thăng hoa” của ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong dòng chảy xô bồ ấy, “lực hấp dẫn” của ngôn ngữ dân gian vẫn ảnh hưởng rõ nét đến chất liệu của tiểu thuyết 15 năm cuối thế kỷ XX. Cùng với ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, xen kẽ vẫn xuôi lẫn vẫn vẫn là việc sử dụng nhuần nhị ngôn ngữ thành ngữ và tục ngữ dân gian, nơi lưu giữ những giá trị, những hằng số văn hóa, văn học.

4. Sử dụng những yếu tố dân gian trong sáng tác của mình, các nhà văn đương đại đã khơi dậy ngọn lửa nhân văn của cha ông qua cái nhìn mới mẻ, hiện đại. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đường nét trữ tình và hiện thực xù xì, giữa truyền thống và cách tân đã mang đến những âm thanh xao động trong lòng văn học đương đại. Việc xuất hiện trở lại của các yếu tố dân gian là sự tiếp nối và phát triển một cách mạnh mẽ hơn những kinh nghiệm đã có trong văn học truyền thống.

5. Với nỗ lực giải quyết các vấn đề trọng tâm của luận án, chúng tôi nhận thấy vẫn còn rất nhiều vấn đề đặt ra, nếu có điều kiện nghiên cứu trong tương lai, đây sẽ là những gợi mở thú vị:

- Sau 1986, tiểu thuyết Việt Nam đã có một sự đổi mới khá mạnh mẽ về phương diện thể loại. Sự đổi mới ấy bắt nguồn từ quan niệm mới về văn học, về nhân sinh, về xã hội. Dấu ấn về văn hóa dân gian thực sự đã in sâu vào trong toàn bộ cấu trúc tiểu thuyết của nhiều tác giả. Yếu tố văn hóa dân gian đậm đặc đã làm thay đổi tư duy tiểu thuyết, tư duy nghệ thuật, góp phần cách tân tiểu thuyết so với giai đoạn trước đó, đặc biệt nhu cầu gia tăng sự dung hợp và làm mới thể loại. Vì vậy, văn hóa dân gian sẽ góp phần tạo dấu ấn liên văn bản và tính đối thoại của tiểu thuyết giai đoạn này. Đây là một vấn đề khá phức tạp, nếu giải quyết thấu đáo sẽ giải quyết trọn vẹn và nâng cao hơn vấn đề chúng tôi đang nghiên cứu.

- Khi tìm hiểu về tiểu thuyết giai đoạn 1986 đến 2000, chúng tôi thấy rằng càng về sau, đặc biệt từ 2000 đến nay, càng có nhiều tiểu thuyết thể hiện rõ nét hơn những ảnh hưởng của văn hóa dân gian. Cột mốc từ 1986 đến 2000 chỉ là sự giới hạn thời gian, phạm vi khảo sát của đề tài luận án. Trong quá trình viết, chúng tôi cũng đã phân tích, nghiên cứu một số tiểu thuyết của những năm tiếp theo nhằm tạo nên một cái nhìn liên mạch trong dòng chảy của văn hóa dân gian trong tiểu thuyết đương đại Việt Nam. Vì thế, thiết nghĩ sẽ rất đáng quý nếu lưu tâm nhiều hơn đến giai đoạn này và lí giải vì sao tiểu thuyết đương đại càng về sau lại càng có xu hướng tìm về với những giá trị truyền thống của dân tộc. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy tinh thần dân chủ, tinh thần phản biện xã hội ngày càng được đề cao trong tiểu thuyết nói riêng và văn học nói chung trong thời hiện đại.

- Một hướng nghiên cứu khác có thể xem xét khi nghiên cứu yếu tố văn hóa dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 đó là nghiên cứu vấn đề trên theo chiều ngược lại như: sức văn hóa, sự đảo lộn các giá trị văn hóa, sự phi đại văn hóa tâm linh tỉ lệ nghịch

với giá trị tinh thần là những điều các nhà văn hiện đại đang trăn trở. Đây là một vấn đề có tính thời sự, một hướng tiếp cận khá thú vị, đem đến cái nhìn nhiều chiều, toàn vẹn hơn khi nghiên cứu.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Thúy Hằng (2017), “Phương thức vận dụng các mô típ dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tr. 91- 96.
2. Phan Thúy Hằng, Hoàng Thị Huế, Phan Trọng Thường (2017), “Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 nhìn từ yếu tố văn hóa tâm linh”, *Tạp chí Khoa học Yersin*, Trường Đại học Yersin Đà Lạt, Số 2 (3/2017), tr. 81-87.
3. Phan Thúy Hằng (2017), “Tín ngưỡng dân gian trong một số tiểu thuyết Việt Nam sau 1986”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Khoa học Huế, tập 10, số 2 (11/2017), tr.13 - 23.
4. Phan Thúy Hằng (2017), “Dấu ấn văn học dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 nhìn từ đề tài phản ánh”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 8 (117), tr. 26 – 30.
5. Phan Thúy Hằng (2018), “Motif giấc mơ trong một số tiểu thuyết Việt Nam sau 1986”, *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ*, Đại học Sư Phạm - Đại học Huế, tr.272 - 276.
6. Phan Thúy Hằng (2018), Ngôn ngữ dân gian trong tiểu thuyết Việt Nam viết về nông thôn sau 1986, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Huế, Tập 127, số 6A, tr.31- 38.
7. Phan Thúy Hằng (2019), “Biểu tượng Nước trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, Đại học Sư Phạm Huế, số 01(49). Đã có giấy nhận đăng.



**HUE UNIVERSITY
COLLEGE OF SCIENCE**

PHAN THUY HANG

**FOLKLORE ELEMENTS IN VIETNAMESE NOVELS
FROM 1986 TO 2000**

Speciality: Vietnamese Literature

Code: 9220121

**DISSERTATION SUMMARY VIETNAMESE
LITERATURE**



HUE - 2019

The dissertation is completed at:

.....

Supervisors: 1. Assoc.Prof.Dr. Phan Trong Thuong

2. Assoc.Prof.Dr. Hoang Thi Hue

Reviewer 1:

.....

Reviewer 2:

.....

Reviewer 3:

.....

The dissertation is defended at Hue University level
Graduate Council at

At time...date...month...year...

The dissertation is archived at the library:

INTRODUCTION

As two relatively different forms of art in every criterion and mode of the classification, there is a multi-aspect interaction between folklore and written literature. The communication is inevitable. Besides, the penetration of folklore into the written literature is also an unavoidable phenomenon of literary history. The process of cultural infiltration took place throughout and continuously in the history of literature, but it was not until 1986, perceiving folklore in the written literature was pushed up as a literary trend, a tendency, and a valid method that brought about many values to the literature. Elements of the folk culture in modern writers' works were the results of a profound rethinking by creating a persuasive interpretation, giving it new values and meanings. The process of rebirth and return to folk elements were not merely to repeat the old, the underdeveloped, nor a backward step, but through the old to create new values, new pathways of literary creation. Many modern writers have succeeded and affirmed their fame with such experiments as Dao Thang, Le Luu, Nguyen Khac Truong, Vo Thi Hao, Ta Duy Anh, Nguyen Xuan Khanh, and Nguyen Binh Phuong etc. These authors' writings were influenced incredibly by folklore. The application of folklore theory in studying novels from 1986

to 2000 helped us to explain more fully the artistic works with the system of cultural code that contained within it.

CONTENT
CHAPTER 1
OVERVIEW OF RESEARCH SITUATION

1.1. The situation of studying folklore elements in Vietnamese novels before 1986

1.1.1. The period from the early twentieth century to 1945

Besides absorbing great influences from Western culture, especially French culture, the novel of this period was still dominated by Eastern culture and the national cultural traditions to building a modern Vietnamese novel but still imbued with the national identity. Studies of Tu Luc Van Doan's novels in terms of culture, society, and customs had some remarkable works such as *Thirty years of literature* by Moc Khue, *The history of Vietnamese literature* by Duong Quang Ham, *The modern writers* by Vu Ngoc Phan, *Vietnamese customs in Tu Luc Van Doan's novels* by Pham Thi Minh Tuyen etc. Studies on regional culture and Southern characteristics were many researchers' interest, for examples, *Vietnamese literature in a new land* by Nguyen Q. Thang, *Southern cultural imprints in Ho Bieu Chanh's novels* by Pham Thi Minh Ha etc. Mentioning to the imprint of folklore in the critical realistic writers' novels as Nguyen Cong Hoan, Ngo Tat To, Vu Trong Phung, many scholars also had some outstanding discoveries of a novelistic trend of "describing Vietnamese customs" along with conflicts of rich and poor, good and evil in *Vietnamese literature from 1930 to 1945* by Phan Cu De, *The*

modern writers by Vu Ngoc Phan... Besides, this period had a section of the literature that existed under the Republic of Vietnam, which was a part of the Southern urban prose in the period 1954-1975. Despite the fact that elements of the folk culture were not the object that writers of the literary section paid attention, however, in the face of the invasion of foreign culture, some progressive and patriotic authors as Son Nam, Vu Bang, and Vo Hong had consciously preserved the local culture by their writings. It should be noted that some typical essays like “New developments of Southern literature in the temporarily-occupied area in recent years” (Nguyen Duc Dan), *Live and write* (Nguyen Ngu I), *Introduction of fifteen years of Southern prose from 1955 to 1969* (Cao Huy Khanh), *Ten faces of art* and *Ten faces of contemporary art* (Ta Ty), and one of the most recent essays was *Prose of Southern urban area in the period 1954-1975 from perspective of traditional cultural values*.

1.1.2. The period from 1945 to 1985

The period from 1945 to 1985 was the literary period associated with the model of realistic socialist literature prioritizing the movement of rules of struggle and the victory of the revolution. Under the revolutionary context, therefore, manifestations of folklore in novels of the period showed many limitations. As a result, there were not many prominent studies on the influences of folklore in literary works. Fortunately, the writers themselves cultivated the national culture when they travelled to new areas of the country to experience and write.

The literature tended to look for symbols that were able to move and connect as well as to awaken the cultural consciousness of the community. These contents could be seen in *Doan Gioi and proses of land, and forest of the South* by Huynh Man Chi, *Echo of the past* by Nguyen Thi Thanh Xuan, “Some characteristics of highland culture through Nguyen Ngoc’s writings of the area” by Hoang Si Nguyen and Le Thanh Toan.

1.2. The situation of studying folklore elements in Vietnamese novels after 1986

1.2.1. General studies on the role of folklore on Vietnamese novels after 1986

There were many noticeable articles discussing on the role of the folk culture for novels in the period, such as “Culture as a source of creative and discovering literature” (Nguyen Van Hanh), “Folklore in Vietnamese contemporary prose” (Vu Thi My Hanh), “Methods of selecting and depicting the historical reality in Nguyen Xuan Khanh’s novels” (Nguyen Van Hung), “History, crulture, and custosms in Nguyen Xuan Khanh’s novels” (Vo Hoai Nam) etc.

1.2.2. Specific studies on the presence of folklore elements in Vietnamese novels after 1986

- *Studies on magical elements*: It included some remarkable researches such as *Literature of magical elements in Vietnamese contemporary Prose*, “The revival of magical elements in Vietnamese contemporary prose” (Bui Thanh Truyen), “Achievements of the post-renovation

Vietnamese prose from genre-interactive perspective” (Tran Viet Thien), “The role of magical elements in Vietnamese narratives and novels” (Dang Anh Dao), and “The Magical World in *A land of many people and many ghosts* by Nguyen Khac Truong from the cultural perspective” (Le Nguyen Can) etc.

- ***Studies on literary symbols:*** There were some typical articles, including “The system of artistic symbols in contemporary Vietnamese novels” by Nguyen Duc Toan, “Village shrines - A unique cultural symbol of Vietnamese pastoral novels after the renovation” and “pastoral culture in the post-renovation novels from the perspective of symbols and languages” by Nguyen Thi Mai Huong, “Some symbols bring maternal consciousness in Nguyen Xuan Khanh’s *carrying rices to temple*” by Hoang Thi Hue, “The archetypal symbol in Vo Thi Hao’s prose” by Nguyen Thi Phuong Ly and Le Thi Huong, “Searching archetypal symbols in Vietnamese literature” by Nguyen Thi Thanh Xuan. Particularly, Tran Thi Mai Nhan, the author of the doctoral thesis *Innovations of Vietnamese novels from 1986 to 2000*, had some noticeable results on “Structuralise by symbolic system”.

- ***Studies on spiritual culture:*** It can be listed “Spiritual literature and culture” (Tran Dinh Su), “An approach to Vietnamese novels during the period of the renovation” (Nguyen Bich Thu), “Spiritual dimensions in contemporary Vietnamese novels” (Nguyen Van Hung), “Spiritual issues in

Vietnamese novels during the period of the renovation” (Tran Thi Mai Nhan), and “Spiritual elements in Vietnamese pastoral novels in the period of the renovation” (Bui Nhu Hai) etc. In this period, Nguyen Xuan Khanh emerged as a famous writer not only because of his particular content and styles of expression but also because of the picture of colourful folklore that he depicted in his novels. Additionally, it should be noted to some other essays such as “Maternal Principles in Vietnamese Literary Tradition” (Duong Thi Huyen), “Legendary elements in Nguyen Xuan Khanh’s novels” (Nguyen Thi Thu Huong), “The obsession of folk beliefs in *The Mother of the forest*” (Tran Thi An), “*The Mother of the Forest* - The interpretation of Vietnamese People’s maternal worship customs” (Nguyen Thi Dieu Linh) etc.

1.3. Evaluate the study status and the pathway to implementing the research

1.3.1. Evaluate the study situation

Nowadays, folklore is not merely a theoretical system but has become a research method and an practical approach to cultural decoding in literary works. Especially, scholars have affirmed the development of culture related to the destiny of the nation, particularly in the trend of globalisation and the era of the explosion of digital technology, people are worried about losing the national cultural identity. Hence, the issue of preserving and protecting traditional culture are paid more and more attention. From 1986 to 2000, many academic works,

books, scientific papers, and essays have proved the presence of folklore elements in novels in the period, simultaneously demonstrated that there was a close relationship between the folk culture and Vietnamese novels from 1986 to 2000. However, these studies primarily analysed the matter in the scope of ideological content but less focused on artistic aspects from the perspective of folklore. Some issues had not been clearly described, as well as systematised into a phenomenon in almost novelistic authors in this period.

1.3.3. The pathway to implement the research

Firstly, it surveyed the occurrence of folklore elements in the local novels from 1986 to 2000 in order to have an overview of the messages, which covered by folklore colours, that authors put into novels.

Secondly, it put elements of folk culture in the history of Vietnamese novels from the beginning of the twentieth century so far in order to see the diversified movement and development of novels of the period on the one hand. It also proved that along with other factors, the folk culture was an interesting approach and brought about high aesthetic effects when conducting the study and decoding literary writings on the other hand.

Thirdly, departing from issues of the theory of folklore, the thesis went deep in exploring the relationship between folklore and modern Vietnamese novels, as well as

understanding beliefs, practices and customs, and folk narrative elements in Vietnamese novels from 1986 to 2000.

Fourthly, the thesis focused on analysing the method of expression in Vietnamese novels from 1986 to 2000 from the perspective of folklore through some aspects such as symbolic system, motifs, languages, characters, artistic space and time. These were factors that contributed to the success of Vietnamese novels in the last fifteen years of the twentieth century. In particular, it determined the core mission of the thesis was to clarify the artistic effect of folklore elements in manifesting content as well as the artistic method and the impact of folklore elements on reforming Vietnamese novels after 1986.

CHAPTER 2

FOLKLORE AND THE IMPACT TO VIETNAMESE NOVELS FROM 1986 TO 2000

2.1. Overview of folklore and the relationship between folklore and modern Vietnamese novels

2.1.1. Concept of folklore

Folklore researchers of Vietnam, on the basis of foreign researchers' studies and evaluation on connotation of the folk culture, had come up with a unified concept: Folklore is a part of national culture, including folk literature (folk songs, folk poems, fairy tales...), folk art (folk dances and music, folk paintings...), folk customs, folk practices, folk rituals etc. Due to the connotation of the concept of folklore is quite wide, in order

to be appropriate the research scope of the thesis, it would like to find out manifestations of folklore elements in novels from 1986 to 2000 in some aspects, such as folk beliefs, the world of characters, artistic space and time, motifs, symbols, and languages.

2.1.2. Identify folklore elements

According to researchers, elements of folklore include the below factors:

Folk literature and language contain folk narrative, folk lyricism, folk idioms, proverbs, and folk riddles.

Folk arts contain folk visual arts and folk performing arts.

Folk knowledge contains the knowledge of the natural environment, knowledge of people, knowledge of social behaviour, and knowledge of production.

Beliefs, customs, and festivals: The above research fields arose, existed, and developed as a whole body that incarnated the non-separable nature among parts (literature and languages, arts, knowledge, beliefs, customs), between creative and enjoyable activities in cultural life, between cultural-artistic creativeness and working life of the people.

2.1.3. The relationship between folklore and modern Vietnamese novels

It should be affirmed that there was an intimate connection between folklore and literature. In the early years of the twentieth century, the reception of cultural factors still occurred in the writing of many writers including Ho Bieu Chanh, Ngo

Tat To, Nguyen Cong Hoan, and other authors who belonged to the literary school Tu Luc Van Doan. In the period 1945 to 1975, the folk culture in literature did not appear as much as in the previous literature. Fortunately, it did not completely lose the flow but was still present in some works, for examples, *The land and forest of The South* by Doan Gioi, *The country stands up*, *The Xanu forest*, *Ninh Nong month*, *Memories of highland* by Nguyen Ngoc, and *The West* by To Hoai. In 1975, Vietnam was fully liberated, her history entered a new era of independence and freedom. In order to be conformable with the new context, the need to innovate every aspect of social life was more urgent than ever. In addition to reflecting contemporary matters, literature at that time had also described the national cultural values in their writings. Some typical authors of this writing trend included Nguyen Khac Tuong, Nguyen Xuan Khanh, Nguyen Ngoc Tu, Ta Duy Anh, Vo Thi Hao, and Nguyen Binh Phuong. Folklore elements in the literary period from 1975 so far, particularly after 1986, reappeared in literature stronger than ever. These factors in the post-1986-literature had been associated with the manifestation of beliefs, practices, customs, festivals that imbued with the national identity such as the maternal worship belief, the polytheism belief, totemism, proliferative belief, ancestors and deceased people worship, natural worship, as well as folk knowledge of personal behaviour and community behaviour,

folk knowledge of natural environment and human beings, and folk performing arts. Regarding the way of depiction, folklore elements were clearly present in the discovery of magical factors, mythicism, applying many legends, folk songs, proverbs that created the charm and beauty for literary works. Furthermore, the construction of motif system, which filled by folklore colours such as the motif of dreams, the motif of death, ghost, souls, and the motif of retribution. In many writings, lots of symbols coordinated with the community culture from a long time ago, including water, fire, stone, village shrines, banyan trees, stone dogs, holy snakes... These symbols portrayed an artistic world that was full of folklore characters in writers' novels in the period, for instances, Nguyen Khac Truong, Le Luu, Bao Ninh, Dao Thang, Vo Thi Hao, Nguyen Xuan Khanh, and Nguyen Binh Phuong.

2.2. The impact of folklore on Vietnamese novels from 1986 to 2000

2.2.1. Folklore and the change of artistic thought

As the “original culture”, “maternal culture”, the folk culture contributed to forming the foundation, establishing the original methods and means of reality perception by images, simultaneously, playing an essential role in creating a sense of the national community. Its faces demonstrated as tending to close and favouring the strange and unusual things, manifesting the divine worldview and mythical thought in writers’

viewpoint of all time. Especially, magical elements, which coordinated in novels of this period, were quite plentiful. It became a separate “stream” in the literature with names of Pham Thi Hoai, Nguyen Khac Truong, Bao Ninh, Ta Duy Anh, Dao Thang, and Nguyen Binh Phuong. By using folklore factors in creating literary works, the writers revealed their concept of a multi-dimensional and multi-troubled world. The world existed in parallel with possible and impossible elements, rational and irrational elements, inevitable and incidental elements, magical and real elements, and supernatural and natural elements. Moreover, folklore elements also liberated the authors from the rational framework that sometimes became mechanically, superficially. The elements brought out the outside feelings and inner souls subtly and openly to the writers.

2.2.2. Folklore as an innovation of artistic expression

- *In terms of languages:* If the dialogue language in novels between 1945 and 1975 often had a strong literary aroma, inversely, Vietnamese novels after 1986 witnessed the popularity of daily life language and the colloquial language, which did not posture but imbued with nature of the real life. Additionally, the folk language (including folk songs, folk ballads, proverbs, idioms) tried to germinate over time and became an endless artistic source for the writers in reflecting social reality. Furthermore, *the creative*

application of folk motifs such as the death motif, the ghost and souls motif, the incarnation motif, the retribution motif into literary works gave it new meanings through the viewpoint of modern people. *The expansion of artistic space and time* was also a highlight innovation. The field of novelistic view and the dimension of novels were extended by the participation of surreal and magical factors. In addition to the space of daily life, the chronological time, the real-time, there was also the presence of non-miraculous, non-surreal, non-mythical time. The artistic time had been multilateral in the style of manifestation as inverting timelines, being double the time, joining the time, and showing the time simultaneously. Last but not least, *the construction of a symbolic system and an archetypal system* in the post-1986-novels had opened up endless possibilities in the discovery and awareness of the world and human beings. It existed as the embodiment of collective memory and the history of community culture.

2.3. Folk beliefs: The source of the writers' inspiration for creativity

2.3.1. Beliefs of worshipping ancestors and deceased people

The belief contained not only fine values of culture and ethics of the nation but also indicated Vietnamese people's conception of the world and human life that positively influenced the life of individual, community, and society. Not

just mentioning the positive aspects, novels in this period also reflected the negative sides of the folk belief when it came to the modern people's daily life. These facts were clearly written in some novels, including *The wharf of without husband* (Duong Huong), *The deciduous season in the garden* (Ma Van Khang), *Ho Quy Ly* (Nguyen Xuan Khanh), *A land of many people and many ghosts* (Nguyen Khac Truong), *The Mother of the forest* (Nguyen Xuan Khanh), *The river of sugarcane* (Dao Thang)...

2.3.2. Beliefs of worshipping nature

The local novels after 1986 appeared the animal worship in a great number of works such as worshipping tigers in *A land of many people and many ghosts*, worshipping stones in *Ho Quy Ly*, worshipping divine fishes in *The river of sugarcane*... Each work contained the different world of animal worship associated with different animals and legends. However, its common point was the belief of these gods' patronage for the spiritual life of individuals and communities. Along with animal worship, the worship of plants was also depicted in the post-reform-novels. Tree worship is a belief that had a common ancient nature. It was a manifestation of an intimate relationship between humankind and natural ecology.

2.3.3. Beliefs of maternal worship

Maternal worship is a relatively typical form of folk belief that widely covered by the Vietnamese cultural identity. It is a

unique spiritual-cultural phenomenon in the local people's polytheistic belief system. In Vietnamese novels of the renovation period, the female characters all had beautiful and traditional qualities. Their beauty exposed in both normal circumstances and dilemma conditions.

CHAPTER 3

FOLKLORE ELEMENTS IN VIETNAMESE NOVELS FROM 1986 TO 2000 FROM PERSPECTIVE OF CHARACTER WORLD, ARTISTIC SPACE AND TIME

3.1. Folklore elements viewed from character world

3.1.1. Characters in the relationship among individuals, communities, and clans

In Vietnamese novels after 1986, the writers often focused on pointing out historical issues and inherent matters that permanently existed in farmers' mind of the families and the clans. The peasant was so willing to sacrifice themselves that ignoring their aspirations to live up to the standards of families and clans. They did everything they could do, even the impossible, to honour their families and their clans. It was consciousness of communities that affected people both positive and negative sides. This spirit could be seen in some novels as *A land of many people and many ghosts*, *The wharf of without husband*, *The distant times* (Le Luu), and *The oath of two hundred years* (Khoi Vu).

3.1.2. The spiritual characters

The most typical type of spiritual characters in the post-1986-novels was the postwar soldiers. They are Sau Nguyen in *Thrice and once* (Chu Lai), Kien in *The sorrow of war* (Bao Ninh), Hai Hung in *Begging the past* (Chu Lai), Linh in *The ungrateful circle* (Chu Lai). Their postwar life was a

journey between the present and the past, between reality and dreams. They could not live a normal life due to the obsession of the shadows of the past. The spiritual world almost always reigned in the lives of people who could not find out their real identity in the present. While creating the type of spiritual characters in novels of the period, there was a form of characters who connected the Yin and Yang realms and possessed special abilities, which ordinary people did not have. This kind of characters often appeared in pastoral novels, including Ms Thong Beu in *A land of many people and many ghost*, madam Ca Moi in *The oath of two hundred years*. Another character type was those who owned extraordinary abilities that science was hard to explain, as well as, there was a spiritual communication between the living and the dead, between the afterlife and the real life. These characters could predict something that was about to happen in the future. They are Thang in *Black ashes, red spots* (Pham Ngoc Tien), Phuong in *The sorrow of war*, and Vien in *Begging the past*. Building the character type that had spiritual life, the authors not only sketched people's character and consciousness but also manifested their deep spiritual world, which was very changeable and subtle in both their unconscious and conscious world.

3.2. Folklore elements viewed from artistic space

3.2.1. The realistic space associated with the space of community cultural activities

In the local novels of the period 1986 to 2000, the type of novelistic space associated with community cultural activities was often emphasised in pastoral novels as *The distant times*, *Stories of cuoi village* by Le Luu, *The oath of two hundred years* by Khoi Vu, *A land of many people and many ghosts* by Nguyen Khac Truongm, *The village field of fireflies*, *ghosts of village* by Trinh Thanh Phong. That was the space of Bien Cat Village with countless mysterious oath in *The Oath of Two Hundred Years*; the space of Dong Village, which was a beautiful and peaceful picture, as well as included many typical cultural features of the Northern countryside, in *The wharf of without husband*; the space of Gieng Chua Village with a vague geographical land associated with village activities and the feud between the two clans Vu Dinh and Trinh Ba in *A land of many people and many ghosts*. Particularly, the space of Phan Village, which repeated by images of Mount Rung, Mount Hot, Linh Nham River, Nghien Sang Alluvial Ground, had played a vital role within Nguyen Binh Phuong's novels. Phan Village was sometimes romantic, dreamlike, sometimes mysterious because of sinful obsession that made the atmosphere here melancholy and grey. All these aspects

made Phan Village to become a sleepy land of the secular world that was as same as a distant legendary space.

3.3.3. The magical and surreal space

The magical space and surreal space in Vietnamese novels from 1986 to 2000 were the spiritual space that depicted through characters' dreams. The space of dreams appeared by the characters' psychological obsession while they faced real life. The psychological shocks, which were not satisfied in everyday life, would go into the characters' dreams. Kien's dreams in *The sorrow of war* was a place for his soul to reside and flee reality. The magical and surreal space in *Be died of old age of children* (Nguyen Binh Phuong) created by strange and mythical dreams. By constructing the space of dreams, the space of unconsciousness, the writers' purpose was towards to build one kind of mood space. As a result, the magical and surreal space belonged to dreams was considered as a reflection of a real world, but due to it was a dream, it would be free and have abilities in breaking down the logic of the real life. In addition, the magical and surreal space also coordinated with places that were equipped with spiritual significance in the community life, incorporating pagodas, temples, shrines, graves, places of worshipping Buddha, deities, and ghosts. This type of space existed in parallel with the secular space, which was both real and fantastic. It was a grave space that closely linked to the darkness in *A land of many people and many*

ghost. It was the space that recalled the death and the annihilation of ‘Calling souls moor’ and Thang Thien Pass in *The sorrow of war*. In addition to the space of grave and the space of cemetery, the religious places (as pagodas, temples, shrines) that appeared quite a lot in novels of Nguyen Khac Truong, Duong Huong, Trinh Thanh Phong, and Khoi Vu. These spaces had been a strong attachment to the local communities that demonstrating people’s folk beliefs of a world could protect and bless them.

3.3. Folklore viewed from artistic time

3.3.1. The indefinite time and mythicise the real-time

The post-1986-novels used many types of the indefinite time that despite it had a specific term, it was not defined, and the readers could be flexible to understand it is the past, the present or the future. Therefore, if we would like to catch it, we ought to stick close to things and events that belonged to those times. Some novels like *The distant times*, *The oath of two hundred years*, *Be died of old age of children* were full by the uncertain time. This kind of novelistic time also created by names of time which were extremely vague, fairy time, indefinite time of “once upon a time”, for instances, “The first dry season”, “At the time”... in *The sorrow of war*; “Three years ago”, “One moon night”... in *Be died of old Age of children*; “From ancient times”... in *The wharf of without husband*; “That old days”... in *The oof two hundred years*. Moreover, the night time was a feature of the indefinite time.

It could be seen special night time in novels *A land of many people and many ghosts*, *The sorrow of war* which was not only the time but also played a part of the space. The application of the indefinite and mythicise the real-time produced many fascinating events and marvellous phenomenon that related to an ancient, a mythical colour of the time axis.

3.3.2. The magical time

First of all, the magical time was embodied in literary writings when the characters recalled the past or predicted the future. I can be said that *The sorrow of war* is a typical novel that applied this kind of artistic time. The male protagonist's postwar life was a string of memories of the past. The magical time in the novel *A land of many people and many ghosts* by Nguyen Khac Truong pertained to Mr Phuc's reminiscences of his unsuccessful love story with Mrs Son that described as fairy tales. Thanks to reminiscences, events in the past helped people to be aware of the present via a new light. Thus, characters' confidences would be explained from several coordinates of time, and the characters' personality would be revealed in a clear and more profound manner. The magical time in novels from 1986 to 2000 also expressed in the interlock of timelines following the characters' feelings. This type of artistic time often appeared in some novels written by the "stream of consciousness" technique, such as *The sorrow of war*, *Ho*

Quy Ly, and *The chance of god* (Nguyen Viet Ha). Through the characters' conscious stream, events and the milestone of time occurred clearly. It expressed the characters' soul most correctly. Besides, the magical time also emerged in the form of the co-existence time. It was a form of alternating timelines. Nevertheless, in terms of this type of time, the past and the present were separated totally. It was not confused as the style of interlock of timelines. In many works by Ta Duy Anh and Ho Anh Thai, for examples, *The old Kho* (Ta Duy Anh), *Going to search the character*, *The realm of people ringing the apocalypse bell* (Ho Anh Thai), the co-occurred time was applied as an effective artistic technique that profoundly expressed the characters' changes in their inner world. Most of the literary works, which written in techniques of the co-existence time, often originated from the present tense.

CHAPTER 4

FOLKLORE ELEMENTS IN VIETNAMESE NOVELS FROM 1986 TO 2000 FROM PERSPECTIVE OF MOTIFS, SYMBOLS, AND LANGUAGES

4.1. Application of folktale motifs

4.1.1. The death and ghosts motifs

Many Vietnamese novels after the Reform used motifs of death and ghosts as a useful artistic method of expressing great changes within the characters' inner world. Along with

the appearance of magical factors, the death and ghosts motifs also created a realistic picture that was imbued with mythical colours but no less fierce. The war novels, through its pages of death, ghost, and spirit, in this period really caused a profound obsession for readers. These images became a very obsessive, frightening, and mysterious motif. Characters' postwar lives in novels were associated with memories and continuous obsession of their comrade's death, even their enemy's death. The use of death and ghosts images contributed to clarifying the libido, concerns, and torments in the soldier's inner soul. The emergence of ghost or spirit originated from the soldier's inconsolable obsession of the annihilation of war and the panic in their mind in the postwar period. Most of people's spiritual life always has a humanitarian meaning. It not only recorded but also explained libidos within characters' traumatic world such as Kien in *The sorrow of war*, Quy in *Swift flies* (Nguyen Chi Huan). Particularly in some pastoral novels like *A land of many people and many ghosts* and *The old Kho*, the motif was viewed under a completely different angle. The obsessive deaths and other real-fake-mixed ghosts roused villages where were inherently not peaceful. It made the realistic picture, which was full of darkness, more and more fantastic and miraculous.

4.1.2. The retribution motifs

Entering into the realm of contemporary literature, in comparison with the previous literature, motifs of retribution were revamped with a new face that equipped profound and multi-dimensional meanings. The retribution motifs were used in literary writings as an allegory of human identity. It was an incarnation of complicated and chaotic feelings, on the one hand. It was human being's confusion, concern, as well as the fear of death, sin, and brokenness before a fragile life on the other hand. It tortured and exhausted people's energy by their fear of the existence of evil. It opened an endless journey, at the same time, for people finding a peaceful place to be aware of themselves and the life itself. The folk philosophy had been experienced: Evil was an unethical behaviour; for this reason, it would be suffered misery and retribution both in present and future. This rule was convectively proved in some novels as *A land of many people and many ghost*, *The old Kho*, *Swift flies*, *The realm of people ringing the apocalypse bell*. Motifs of retribution existed as a warning of the risk of the conscious destruction, of human love under the survival pressure of life.

4.2. Symbols

4.2.1. Symbols of land

The land is an archetypal symbol. In modern literature, the writers gave symbols of land several new perspectives and variations, including mountains, caves, abysses, hills, fields,

gardens, and forests. In the post-1986-novels, symbols of land had many different meanings. Its original meaning was a symbol of proliferative beauty in the cosmic and human life; it proliferated, flourished, re-created “the next seasons”, and raised humankind (which could be seen in *Water, fire, and thieves* by Hoang Minh Tuong and *The wharf of without husband* by Duong Huong). The land was a symbol of annihilation. This meaning was attached typically in four novels *The sorrow of war* by Bao Ninh, *The lure of God*, *The Absent Man*, and *Coming to the Realm* by Nguyen Binh Phuong. The land was also a symbol of protection and liberation. Its images were expressed in some novels as *Coming to the realm*, *The absent man*, *A land of many people and many ghosts*, *The night of saint* (Nguyen Dinh Chinh) etc. Hence, it can be seen that land was an archetypal symbol that had a long life not only in the social life, beliefs, and religions but also in the literature and art from the ancient times till now.

4.2.2. Symbols of water

In the local novels from 1986 to 2000, symbols of water transformed and existed via many different forms, including rivers, springs, streams, ponds, swamps, rains, and dew etc. The symbols contained various artistic connotations of human beings and life. Firstly, symbols of water had the meaning of cleaning, purification, and alleviation for people’s issues. The authors of *The absent man*, *The night of saint*, *The oath of two hundred years*, *The angel* (Pham Thi Hoai), *The wharf of*

without husband used the meaning very deeply in their writings. Secondly, in addition to the feeling of actual meaning, water was a symbol of rebirth and a rich source of living that could be seen in novels *The night of saint*, *The oath of two hundred years*, and *The wharf of without husband*. Thirdly, symbols of water included meanings of destruction and annihilation, which emerged clearly in *The sorrow of war*, *The oath of two hundred years*, and *be died of old age of children*.

4.2.3. Symbols of material

In the post-reform novels, the existence of material symbols often coordinated with magical and legendary elements. It should be noted that there were appearances of symbols of archetype and scared material (including plants and animals). The four supernatural creatures (dragon, unicorn, tortoise, and phoenix) were four scared animals that believed to bring auspiciousness to people. The fours were worshipped by some Oriental nations, including Vietnamese people. Compared with its original meaning, however, these scared animals in Nguyen Binh Phuong's novels such as *The absent Man*, *Be died of old age of children*, and *Coming to the realm* had a contrasting meaning. It was notable that secularisation of scared symbols had created a new perspective on the values of these icons in modern novels. In the novel *The oath of two hundred years*, Hai Thin's Fire Eagle evoked the idea of "animism" in ancient myths. In the Khoi Vu's novel, Fire

Eagle was a symbol of human's spiritual life and religious life. Building the icon of Fire Eagle, the fictionist wished to convey the message of humanity's good characters on the journey to look for the charm of life. The Tiger in *A land of many people and many ghosts* was related to a thrilling anecdote of Trinh Ba family. The story reminded the "totem theory" in the old myths. The symbol of tiger made a scared atmosphere for Gieng Chua Village, as well as explained Trinh Ba clan's power source in the past and the present.

4.3. Folklore elements viewed from languages

4.3.1. The subtle application of idioms and proverbs

One of the factors that increased folklore taste in languages of Vietnamese novels from 1986 to 2000 was the presence of folk idioms and folk proverbs. Through some novels were surveyed in the thesis, especially pastoral novels, it witnessed a very high frequency of appearances of folk idioms and folk proverbs that could be found out in *A land of many people and many ghosts* and *Ghosts of village* (Trinh Thanh Phong). The generous and creative application of idioms and proverbs had reflected more profoundly, objectively, and authentically every phenomenon of society, life, and human's soul. It helped to strengthen the vitality of the literary works, give it the more bold colour of homeland, making it more close to the national soul. By using idioms and proverbs, the writers showed their thought of lifestyle, behaviour, the way of awareness of the

objective world, recognition of people in a deep relationship with the community culture.

4.3.2. The simple, natural language and interlocking between prose and rhyme

The novelistic languages in this period primarily were colloquial and coarse language, which rooted in languages of daily life. Besides, languages of novels in this period were also a simple language as Nguyen Huy Thiep stated that it was “as simple as the land”. The language had a strong aroma of folk languages, which were very rustic but full of the profundity of experimentation. In some pastoral novels such as *The wharf of without husband*, *The distant times*, *The oath of two hundred years*, *The left family record* (Doan Le), and *A land of many people and many ghosts*, the writers had applicated creatively the simple language of the rural life and the regional language into writings. They really created a distinct nuance. Folk languages were also expressed by alternating proeses and rhymes. It contributed to enhancing the aesthetic value and the musical nature for narratives, as well as showing the characters’ mood and personality. In many contemporary writings, children’s folk songs and folk songs were sung up as the voices of emotional waves. In addition to children’s folk songs, folk songs, and lullabies, the language form of interlocking between proeses and rhymes also had the appearance of poems created by the fictionists themselves. They had put these poems into their literary works. It

sometimes attached within a song, sometimes was a completely new poem which put into speeches, feelings of the characters. These features could be witnessed in *The oath of two hundred years*, *The absent man*, and *Be died of old age of children*.

CONCLUSIONS

The interpretation of literature from a cultural perspective is an opened and necessary pathway of literary studies because literature had always reflected the national culture through the periods. One of the prominent phenomena of Vietnamese novelistic art in the late twentieth century is the popular presence of folklore elements in the works. The writers applied these elements in order to establish a new artistic reality that indicating their ideas on contemporary society. The post-1986-novel was a typical achievement of contemporary literature. This is the reason why it became the most studied object from various research angles, including the perspective of folk culture, in recent years. Notably, due to the characteristics of the genre and the reception tendency of postmodernism narrative after 1986, the folk culture became one of the most receptive objects of novels to address increased needs of fusion and renewal of the literary genre. For this reason, folklore would contribute to creating the intertextuality and dialogism of novels in the period.

This thesis focused on clarifying some of the following essential issues:

1. Folklore elements in Vietnamese novels from 1986 to 2000 inherited, improved, and innovated elements of the folk culture that existed in life as well as in the history of the national literature. These elements contributed to reform the local novels on various aspects, including expanding the concept of reality and people, changing the artistic thought, and innovating in the method of novelistic expression. All of these changes were a necessity that required a new approach, a new way of creation, and a new artistic manifestation. “We accept both romanticism, symbolism, mythicalism, magicalism, fictionality, as long as in a particular case, these methods can express the truth of life in the best” [22, p. 71-72]. Particularly, the presence of folklore elements in novels from 1986 to 2000 was extremely plentiful due to the writers successfully depicted folk beliefs that intrinsically existed in the people’s spiritual life a long time ago. It was a worship of ancestors and deceased people, a belief of natural worship, and particularly the belief of maternal worship, which was a very indigenous faith of Vietnam. It was really a meaningful return in the context of a hustle life was in danger of overshadowing the values of traditional culture.

2. Additionally, regarding the renovation of the artistic conception of human beings, Vietnamese novels in the period 1986 to 2000 built a variety of character types. It

indicated honestly and vividly the complexity of reality. For this reason, it formed many different character types such as the type of characters was bound by the relationship of communities and families, the type of characters who lived between virtual and real lines. Besides, folklore elements in novels from 1986 to 2000 clearly embodied by artistic space and time. In which, the magical space and time existed in parallel with the real space and time. The space of daily life often related to community cultural activities of the people. This type of space appeared in many pastoral novels. The magical and surreal space was expanded on the aspects of people's soul. This kind of space was a combination of the real and virtual realm that created a mysterious air covering all narrative events. It was one kind of unreal space or mythical space. It could be beautiful, vague, mysterious, and strange. The magical space was expressed via dreams and spiritual places of community life such as pagodas, temples, shrines. Corresponding to the realistic space, which was associated with community cultural activities and the magical - surreal space, there was the presence of the real-time and the magical time in the local novels of the period. In particular, the real-time had an indefinite characteristic. Mythicise the real-time established an ideal foundation for some strange and fabulous details arose and appeared in almost works in the period. Furthermore, the magical time was also put into novels from 1986 to 2000. The magical time was the time that mixed the past, the present, and the

future. As a result, equipping the miraculous, the fantastic to the time would play a vital role in extending the scope of the narrative time. It can be said that images of space and time, which carried cultural senses, and the character world with an abundant life of folk beliefs had contributed to changing the face of Vietnamese novels after 1986.

3. Folklore elements also showed in the way of novelistic expression. The application of folktale motifs, including motifs of death and ghosts and the retribution motif contributed to convey many issues and renew the narrative methods, and renew the face of literature. Moreover, the appearance of the archetypal symbols such as land, water, the material had brought out the legendary colour to novels from 1986 to 2000. Symbols were results of the most accumulative things in people's mind over thousands of years to become the collective unconsciousness. Land and water were symbols of proliferative beauty in cosmic life and human life. They were also symbols of protection and liberation. Simultaneously, they were symbols of destruction. The material was a symbol that contained the pure Vietnamese character. In Vietnamese culture and some other Eastern countries, the worship of material (including plants and animals) had been existed for a long time, especially, the worship of the four supernatural animals including dragon, unicorn, tortoise, and phoenix. The fours were sacred animals, which believed to have holy meanings, bring auspiciousness to human beings. Therefore, people worshipped these animals in many places. However, in

Vietnamese novels from 1986 to 2000, meanings of these material symbols more or less were been secularised. It not only had fine meanings but also had some bad meanings. It gave people frightfulness. It was compared to other ordinary animals such as pigs, or being compared to some sexy images that were very outstanding in Nguyen Binh Phuong's novels. It should be noted that there was a significant contribution of language creativeness in Vietnamese novels from 1986 to 2000. The contemporary novelistic language was used by some new aspects; for example, the fictionists did not hesitate to attach "defamiliarisation", "deformation", and "sublimation" into their literary languages. Nevertheless, in the hustle stream of literature, "the attraction" of folk language still influenced the material of novels in the last fifteen years of the late twentieth century. The language creative of novels not only showed by the simple and rustic language, interlocking proses and rhymes but also by applicating folk idioms and folk proverbs, which stored lots of cultural and literary values of the nation.

4. By using folklore elements in creating the works, contemporary writers illuminated the ancestors' flame of humanity through a very new and modern perspective. The flexible combination between romantic images and authentic reality, between tradition and innovation had brought about the emotional sound in the heart of contemporary literature. The reappearance of folklore

factors was a continuation and development more strongly than the experiences that existed in the traditional literature.

5. In the process of trying to solve some primary issues of the thesis, it could not be denied that there were still some matters that if it continues to research in the future, it will be some interesting suggestions:

- After 1986, Vietnamese novels had a full renovation in terms of genre. The innovation originated from a new concept of literature, human life, and society. The imprint of the folk culture had penetrated the entire novelistic structure of many authors. The strong factors of folklore had transformed the novelistic thought and artistic thought that contributed to reform novels compared to the previous period of literature. Especially, the writers' need to strengthen the amalgamation and renovation of the literary genre was very remarkable in this literary period. Thus, folklore would play a leading role in creating the intertextuality and dialogism for novels from 1986 to 2000. In fact, this is a very complicated issue, and if thoroughly resolved, it will solve the research matters, which were being studied in the thesis, more effectively.

- While investigating the local novels from 1986 to 2000, it found that in the later of the period, particularly from 2000 so far, there were more and more novels indicated influences of folklore elements in the works. The milestone of “from 1986 to 2000” was only a sign of time limitation, which belonged to the

survey and research scope of the thesis. In the process of study, it also analysed and researched several novels that written in the following years (not included in the period from 1986 to 2000) in order to build a seamless view of the stream of folklore in contemporary Vietnamese novels. As a result, it is thought that it would be worthy of paying more attention to this novelistic period, as well as interpreting the reason why there was a tendency of returning to the traditional national values in contemporary novels.

- Another research pathway that could be considered in studying elements of the folk culture in Vietnamese novels after 1986 was to study the matter in the opposite direction, such as cultural shocks, the overturn of cultural values, the relationship between the hypertrophy of spiritual culture and values of the spirit. These are urgent issues that modern writers are focusing on it. It is a topical matter and an interesting approach that provide a more multi-dimensional perspective, a more thorough view in studying literature.

LIST OF WORKS PUBLISHED BY THE AUTHOR RELATING TO THE THESIS

1. Phan Thuy Hang (2017), “Methods of applying folk motifs in Vietnamese novels after 1986”, *Proceedings of the National Scientific Conference on Studying and Teaching Language and Literature in the Context of Educational Innovation*, Department of Language and Literature, University of Education - Hue University, pp. 91-96.

2. Phan Thuy Hang, Hoang Thi Hue, Phan Trong Thuong (2017), “Vietnamese novels after 1986 from perspective of spiritual cultural elements”), *Yersin Scientific Magazine*, Yersin University, no. 2 (3/2017), pp. 81-87.

3. Phan Thuy Hang (2017), “Folk beliefs in some Vietnamese novels after 1986”, *Journal of Science and Technology*, Hue University of Sciences, vol. 10, no. 2 (11/2017), pp. 13-23.

4. Phan Thuy Hang (2017), “Imprints of folk literature in Vietnamese novels after 1986 form perspective of themes”, *Journal of Science and Technology*, Da Nang University, no. 8 (117), pp. 26-30.

5. Phan Thuy Hang (2018), “Motifs of dream in some Vietnamese novels after 1986”, *Proceedings of the Youth Scientific Conference*, University of Education - Hue University, pp. 272-276.

6. Phan Thuy Hang (2018), “Folk Language in Vietnam’s novels written about Ccounttrysides after 1986”, *Hue University Journal of Science* (Social Sciences and Humanities), vol. 127, no. 6A, pp. 31-38.

7. Phan Thuy Hang (2019). “Symbols of Water in Vietnamese Novels from 1986 to 2000”, *Journal of Science and Education*, University of Education - Hue University, no. 01 (49).